

Biểu 01 -MN-CN

Ban hành theo ...

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 30 tháng 6 năm báo cáo

BÁO CÁO THỐNG KÊ GIÁO DỤC MẦM NON

Kỳ cuối năm học: 2024-2025

(Có đến 31 tháng 5 năm báo cáo)

Đơn vị báo cáo:

Mầm non Phương Nam

Đơn vị nhận báo cáo:

Phòng GD-ĐT Uông Bí

TT	Chỉ tiêu		Đơn vị tính	Mã số	Tổng số	Công lập	Tư thực	Dân lập
	A		B	C	1	2	3	4
I.	Trường		trường	01	1	1		
	Nhà trẻ		trường	02				
	Trường mẫu giáo		trường	03				
	Trường mầm non		trường	04	1	1		
	Nhóm trẻ độc lập		cơ sở	05				
	Lớp mẫu giáo độc lập		cơ sở	06				
	Nhóm trẻ, Lớp mẫu giáo độc lập		cơ sở	07				
	Số điểm trường		điểm	08	3	3		
II.	Nhóm, lớp		nhóm, lớp	09	15	15		
	Nhóm trẻ		nhóm	10	3	3		
	Lớp mẫu giáo		lớp	11	12	12		
III.	Trẻ em		người	12	423	423		
3.1.	Quy mô trẻ		người	13	423	423		
	Trẻ em nhà trẻ		người	14	91	91		
	Trẻ em mẫu giáo		người	15	332	332		
	Trong đó: Trẻ em 5 - 6 tuổi		người	16	122	122		
3.2.	Tình trạng dinh dưỡng trẻ em				423	423		
3.2.1.	Trẻ em nhà trẻ được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng		người	17	91	91		
	Trong đó:							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số	Công lập	Tư thực	Dân lập
	A	B	C	1	2	3	4
	- Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	người	18				
	- Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	người	19				
	- Trẻ suy dinh dưỡng thể còi cọc	người	20				
	- Trẻ thừa cân, béo phì	người	21				
3.2.2.	Trẻ em mẫu giáo được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng	người	22	332	332		
	Trong đó:						
	- Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	người	23				
	- Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	người	24				
	- Trẻ suy dinh dưỡng thể còi cọc	người	25				
	- Trẻ thừa cân, béo phì	người	26				
VI.	Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên	người	27	37	37		
4.1.	Cán bộ quản lý	người	28	2	2		
4.1.1.	Hiệu trưởng	người	29	1	1		
	- Hiệu trưởng nhà trẻ	người	30				
	- Hiệu trưởng mẫu giáo , mầm non	người	31	1	1		
4.1.2.	Phó Hiệu trưởng	người	32	1	1		
	- Phó Hiệu trưởng nhà trẻ	người	33				
	- Phó Hiệu trưởng mẫu giáo, mầm non	người	34	1	1		
4.2.	Giáo viên	người	35	33	33		
4.2.1.	Giáo viên nhà trẻ	người	36	6	6		
	Chia theo đánh giá chuẩn nghề nghiệp						
	- Tốt	người	37	3	3		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số	Công lập	Tư thực	Dân lập
	A	B	C	1	2	3	4
	- Khá	người	38	3	3		
	- Đạt	người	39				
	- Chưa đạt chuẩn	người	40				
4.2.2.	Giáo viên mẫu giáo	người	41	27	27		
	Chia theo đánh giá chuẩn nghề nghiệp						
	- Tốt	người	42	19	19		
	- Khá	người	43	8	8		
	- Đạt	người	44				
	- Chưa đạt chuẩn	người	45				
4.3.	Giáo viên nghỉ hưu trong năm	người	46				
	- Giáo viên nhà trẻ	người	47				
	+ Trong đó: Nữ		48				
	- Giáo viên mẫu giáo	người	49				
4.4.	Giáo viên tuyển mới trong năm	người	50				
	- Giáo viên nhà trẻ	người	51				
	+ Trong đó: Nữ	người	52				
	- Giáo viên mẫu giáo	người	53				
4.5.	Nhân viên	người	54	2	2		
4.5.1.	Nhân viên nhà trẻ	người	55				
	+ Trong đó: Nữ	người	56				
4.5.2.	Nhân viên mẫu giáo, mầm non	người	57	2	2		
	+ Trong đó: Nữ	người	58	2	2		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số	Công lập	Tư thực	Dân lập
	A	B	C	1	2	3	4

Người lập biểu

Vũ Thị Phiên

Uông Bí, ngày 26 tháng 5 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

Bùi Thị Thuỷ

